

ĐÔ THỊ HỘI AN 400 NĂM NHÌN LẠI

Trần Anh

Không phải ngẫu nhiên mà cách đây hơn 400 năm, một đô thị đã hình thành bên bờ của một dòng sông xuôi về Cửa Đại. Có lẽ sự hội tụ tuyệt vời các yếu tố thiên thời, địa lợi, nhân hòa trong bối cảnh lịch sử ấy đã tất yếu tạo nên một đô thị mà sau đó (và mãi đến bây giờ) được gọi bằng cái tên giàu ý nghĩa: Hội An! Chính đô thị này, nhờ chính sách mở cửa đúng đắn của các chúa Nguyễn cộng với sức vươn lên mạnh mẽ tự thân nên nó đã ngày càng khẳng định vai trò, vị trí vô cùng quan trọng trong hành trình mở cõi về phương Nam của dân tộc Việt.

Tuy nhiên, vùng đất nào, dân tộc nào, quốc gia nào dù phát triển thịnh đạt đến đâu đều cũng trải qua những bước thăng trầm nhất định. Đô thị Hội An cũng không là ngoại lệ, cũng đã nếm trải đủ đầy các cung bậc thịnh - suy.

Từ buổi sơ khai thành hình

Căn cứ nội dung bia mộ của một ông tổ tộc Trần lập năm 1498 tại làng Vông Nhi (xã Cẩm

Thanh), chúng ta biết rằng muộn nhất là đến năm 1471, người Việt đã đặt chân đến Hội An để thực hiện việc “Nam tiến bình Chiêm” và sau đó là khai hoang mở cõi. Nhờ biết kết hợp nhuần nhuyễn giữa các yếu tố nội sinh với các yếu tố ngoại sinh nên người Việt vào đây đã nhanh chóng biến vùng đất này thành nơi giàu có về hàng hóa, sản vật để rồi tạo thành hấp lực ngày càng to lớn thu hút các thương khách Đông - Tây. Bắt đầu từ giữa thế kỷ XVI, Hội An đã đón nhận các thương thuyền ngoại quốc đến trao đổi, mua bán ngày càng nhiều. Việc chúa Nguyễn cho phép các thương nhân Hoa, Nhật được chọn đất để lập phố định cư, buôn bán tại Hội An cộng với việc thương thuyền, thương khách quốc tế đến Hội An ngày càng tăng; quy mô, khối lượng hàng hóa trao đổi ngày càng lớn, đã làm cho đô thị thương cảng Hội An hình thành từ khá sớm.

Đầu thế kỷ XVII, đô thị Hội An đã có quy mô khá lớn gồm 2 khu phố mà theo mô tả của Giáo sĩ người Ý Cristophoro Borri,

người đến truyền giáo tại Hội An từ năm 1618 - 1621, thì: “Chúa Đàng Trong xưa kia cho người Nhật, người Tàu chọn một địa điểm và nơi thuận tiện để lập một thành phố... Thành phố này gọi là Faifo (Hội An), một thành phố lớn đến độ người ta có thể nói được là có hai thành phố, một phố người Tàu và một phố người Nhật” [7, 92].

Đến giai đoạn phát triển vàng son

Trong thời gian này, người Nhật nắm giữ vai trò chủ đạo tại cảng thị Hội An và có quan hệ hết sức gần gũi, mật thiết với các Chúa Nguyễn với số Nhật thương đến hơn 1.000 người. Trong bức tranh “Giao Chỉ quốc mậu dịch độ hải đồ” do thương nhân Nhật Bản Chaya Shinrokuro vẽ năm 1624, phố Nhật ở Hội An được vẽ gồm 2 dãy, dài hơn 3 dặm (khoảng 300m), hầu hết là nhà 2 tầng xây liền kề, san sát với nhau, trong đó, có một nhà 3 tầng cao lớn hơn hẳn [9, 194]. Cách đây 4 thế kỷ, đô thị Hội An đã có nhà 3 tầng, nên giáo sĩ C. Borri, một thị

dân đến từ thành Rome nổi tiếng, buộc phải thốt lên đây là “một thành phố lớn đến độ người ta có thể nói được là có hai thành phố”!

Đang đà phát triển thịnh vượng nhưng do chính sách cấm vận nghiệt ngã của chính quyền Nhật Bản (*bắt đầu thực hiện từ năm 1637*), hầu hết các thương nhân Nhật Bản tại cảng thị Hội An đã buộc phải trở về chính quốc. Người Việt, người Hoa tiếp quản khu phố Nhật, tiếp tục mở mang phố thị, khuyến khích thương nển ngoại thương hàng hải và đưa cảng thị Hội An phát triển lên những tầm cao mới.

Vào năm 1695, thương nhân người Anh Thomas Bowyear đến đặt quan hệ buôn bán tại Hội An, đã thuật lại rằng “Phai Phô gồm một con đường phố trên bờ sông và 2 dãy nhà, có khoảng 100 nóc nhà của người Tàu, cũng có 4-5 gia đình người Nhật Bản” [5, 421]. Cùng trong năm đó, nhà sư Trung Hoa Thích Đại Sán cũng được Chúa Nguyễn mời sang truyền giáo ở Đàng Trong. Trong 3 tháng rưỡi ở Hội An, ông mô tả khá tỉ mỉ: “Hội An là một mã đầu lớn, nơi tập hợp của khách hàng các nước; thẳng bờ sông, một con đường dài 3 - 4 dặm, gọi là Đại Đường cái, hai bên đường hàng phố ở liền nhau khít rịt, chủ phố thấy đều người Phúc Kiến, vẫn ăn mặc theo lối tiền triều” [11, 154].

Lúc này, người Hoa ở Hội An đã lên đến khoảng 6.000 người, gồm 2 cộng đồng: Hoa Ngũ Bang và Hoa Minh Hương. Họ vươn lên nắm giữ vai trò chủ chốt của thương trường Hội An và tiếp tục đẩy mạnh quan hệ giao thương với các thương khách quốc tế khác.

Nhận xét về vai trò của Hội An giai đoạn này, PGS.TS. Nguyễn Quốc Hùng đã viết: “Có thể nói mà không sợ quá lời rằng sang thế kỷ XVII, Hội An không chỉ đóng khung tâm mức của mình như một đô thị

thương cảng quan trọng của Đàng Trong mà bắt đầu mở rộng quy mô để đóng vai trò một trung tâm thương nghiệp ở Đông Nam Á” [3, 27]. Phạm Hoàng Hải cũng đánh giá tương tự: “Cũng như Macao lúc đó, Hội An đã nhanh chóng trở thành một thương cảng quốc tế quan trọng, mang dáng dấp của một “đặc khu kinh tế” phát triển nhất Đông Nam Á” [2, 32]. Còn Elka Ray thì rất đề cao Hội An khi cho rằng “đường như cả thế giới đã về đây họp chợ” [10, 52].

Sang thế kỷ XVIII, đô thị - thương cảng Hội An vẫn tiếp tục phát triển và trở thành cảng thị ngoại thương quốc tế nổi tiếng của cả khu vực Đông Nam Á. Năm 1748, thương nhân kiêm giáo sĩ người Pháp Piere Poivre đã viết: “Faifo là nơi thương mại thịnh hơn cả của Đàng Trong, có gần 6.000 người Tàu, hạng thương gia lớn ở đó” [5, 439]. Và, nhà bác học Việt Nam Lê Quý Đôn đã ghi trong tác phẩm *Phủ biên tạp lục* viết năm 1776, ghi lại lời kể của một thương nhân người Quảng Đông (*Trung Hoa*) rằng: “Thuyền từ Quảng Nam về thì các hàng không món gì không có... Trước đây, hàng hóa nhiều

lắm, dù trăm chiếc tàu to chở cùng một lúc cũng không hết được” [1, 234].

Rối thời kỳ suy thoái, trầm mặc

Tuy nhiên, những biến cố chính trị khôn lường xảy ra vào nửa cuối thế kỷ XVIII đã làm cho Hội An chững lại trên đường phát triển để rồi trượt dần xuống bên kia sườn dốc. Đó là cuộc giao tranh khốc liệt giữa quân đội Tây Sơn và nhà Trịnh diễn ra vào năm 1775 mà hậu quả của nó là sự đổ nát, hoang tàn. Viên ngự y của chúa Nguyễn Phúc Khoát, người Đức, tên là Jean Koffler, lúc này đang ở Phú Xuân, có dịp vào Hội An và nhận xét: “Quân Trịnh đã tàn phá thành phố Faifo, làm ngưng trệ mọi hoạt động trong một thành phố có thể gọi là một trung tâm lớn của nền ngoại thương” [3, 28].

Ngày 30-8-1778, thương nhân người Anh M. Chapman ghi trong nhật ký: “Thành phố này bị chiến tranh tàn phá gần hết, chỉ còn tro bụi những mảng tường cháy nham nhở...Hội An xưa là nơi đô hội, nhà cửa bằng gạch ngói san sát, đường đi lát đá nay chỉ còn thấy một sự đổ nát mà không ngăn nổi kinh dị” [6, 47]. Năm

Lễ kỷ niệm 33 năm ngày giải phóng Hội An và công bố Nghị định thành lập thành phố Hội An. Ảnh: Võ Hồng Việt



1780, thương nhân người Pháp Ch. Maybon đến Hội An cũng chứng kiến cảnh tượng tương tự: “Không còn tìm thấy vết tích gì của những nhà cửa lợp ngói trước kia ngoài vài mảnh tường như đã bị đốt cháy. Toàn bộ các nhà cửa, phố phường bị san phẳng và phá hủy đến tận chân móng” [6, 47].

Sau khi chiến thắng quân Trịnh, nhà Tây Sơn đã khắc phục hậu quả của chiến tranh và dần làm cho nền ngoại thương hàng hải ở cảng thị Hội An có những hồi sinh nhất định. Thương nhân người Anh John Barrow đến và vẽ bức tranh nổi tiếng “Trên sông Faifo” năm 1793, cũng đã thừa nhận rằng: “Ở đây đã trải qua một cuộc cách mạng, xem lại đây còn dấu vết xiêu đổ của những kiến trúc đẹp đẽ và rộng rãi” [6, 47].

Mặc dù vậy, do có sức sống mãnh liệt được tích tụ từ trong quá khứ nên đô thị - thương cảng Hội An vẫn không bị hoàn toàn tê liệt trước những thử thách dồn dập. Đầu thế kỷ XIX, Hội An vẫn mang dáng vẻ một khu thương nghiệp hoạt động nhộn nhịp trên bến dưới thuyền. Sách *Đại Nam nhất thống chí* của Quốc sử quán triều Nguyễn có đoạn chép: “Nơi Hội An, Minh Hương phố xá đông đúc làm chỗ buôn bán đồ hội, thực là nơi đô thị lớn và là một tỉnh lớn trong khu Nam Trục vậy...trên bờ hai bên phố nhà ngói liên tiếp chừng 2 dặm, dưới sông thuyền ghe tập nập đi lại như mắc cửi” [3, 30].

Năm 1819, thuyền trưởng Rey của tàu Henry có dịp đến Hội An đã ghi trong nhật ký: “Hội An... là một cửa hàng bách hóa lớn... thành phố chỉ có một con đường khá dài...thành phố có đến 6 vạn dân mà một phần ba là người Trung Hoa” [3, 31] “Các dãy đều xây bằng gạch và chỉ có một tầng, tất cả đều được bố trí để buôn bán, phía sau là những nhà kho kín đáo” [4, 42]. Con đường khá dài ở đây chạy dọc theo bờ sông Hoài và cơ bản trùng với đường Trần Phú hiện nay. Ngoài phố

chính đó ra, đến năm 1841, bờ sông được mở rộng về phía Nam nên mở thêm đường Nguyễn Thái Học và đến năm 1886, bờ sông lại tiếp tục được mở rộng và đường Bạch Đằng được hình thành. Cho đến giữa thế kỷ XIX, tỉ lệ dân cư thành thị ở nước ta chưa đến 1% tổng dân số, ngay cả Chợ Lớn cũng chỉ có khoảng 4-5 vạn người, trong khi đó, Hội An có đến 6 vạn người, quả là một đô thị đông đúc, sinh động!

Đến cuối thế kỷ XIX, sông Cò bị bồi lấp nhiều đoạn, chính thức cắt đứt tuyến giao thông đường thủy Hội An - Đà Nẵng, Cửa Đại lại bị bồi cạn hơn, do vậy, Hội An gần như nằm trong thế cô lập. Tuy nhiên, do sức sống của nền kinh tế hàng hóa vẫn còn khá mạnh mẽ nên Phòng Thương mại Đà Nẵng (lúc này đã do người Pháp nắm giữ) buộc phải xây dựng tuyến đường sắt Decauville dài gần 30km nối từ Đà Nẵng vào năm 1904 để vận chuyển hàng hóa tại Hội An. 13 năm sau, tuyến đường sắt này bị bão làm hủy hoại, kết thúc hoạt động, cộng với sự vươn lên của thành phố trẻ Đà Nẵng đã đánh dấu sự chấm hết của Hội An phố cảng vốn một thời phát triển vàng son.

Thế là, “từ một cảng nhộn nhịp nhất và lớn nhất của Nam Hải ngoài Trung Hoa, Hội An chỉ còn là một thị trấn nhỏ nằm im lìm bên bờ sông Thu Bồn” [8, 218].

Và thời kỳ khởi sắc, hồi sinh

Sau khi kết thúc vai trò cảng thị ngoại thương hàng hải quốc tế, nhất là trải qua nhiều thập kỷ chiến tranh, Hội An chỉ còn là một đô thị nội thương nhỏ bé, các hoạt động sản xuất, dịch vụ, bán buôn chỉ duy trì ở mức khiêm tốn, bình thường. Ngay từ những năm đầu sau khi chấm dứt đạn bom, tình hình khó khăn chung về mọi mặt của cả nước, nhất là đời sống kinh tế của người dân còn

không gian nan, khốn khó, đô thị Hội An được ví như một “thành phố đường già” đầy ưu tư, trầm mặc; phố phường khá vắng vẻ, tĩnh lặng ngoài âm thanh lách cách của tiếng thoi đưa, tiếng rao lanh lảnh của những người bán hàng rong vọng lại,...

Tuy nhiên, từ khi đất nước thực hiện chủ trương đổi mới, con người Hội An như bừng dậy để tìm tòi, suy ngẫm và xác định hướng đi riêng phù hợp cho mình. Ngoài việc tập trung phát triển kinh tế - xã hội, phố xá không ngừng được chỉnh trang, mở rộng; các hạng mục cơ sở hạ tầng của một đô thị từng bước được đầu tư xây dựng, nâng cấp,... Bên cạnh phố cổ với các dãy phố dọc bờ sông như Trần Phú, Nguyễn Thái Học, Nguyễn Thị Minh Khai, Bạch Đằng và những đường phố phía Đông, phía Bắc như Phan Châu Trinh, Phan Bội Châu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Trần Quý Cáp, Hoàng Diệu,... còn hàng chục đường phố khác đã được hình thành.

Ngoài phường Minh An, ở trung tâm đô thị còn có thêm các phường nội ô như Cẩm Phô, Sơn Phong, Tân An và nay đã có thêm 05 phường nữa là Thanh Hà, Cẩm Châu, Cẩm Nam, Cẩm An và Cửa Đại. Các khu dân cư mới đã được quy hoạch về phía Tây và phía Bắc đô thị để mở rộng không gian nhằm giảm bớt mật độ dân số trong phố cổ, đồng thời đáp ứng sự phát triển kinh tế - xã hội của toàn thành phố. Từ chỗ là một đô thị hình thành và phát triển một cách tự phát, Hội An ngày càng được chỉnh trang, cải tạo theo quy hoạch và ngày nay, khu đô thị



Phố cổ Hội An nhìn từ trên cao. Ảnh: Phan Huy Vũ

không ngừng được mở rộng, một số vùng nông thôn ngày càng chuyển hóa thành phố phường.

Song song với việc phát triển đô thị theo xu thế hiện đại và để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, từ năm 1991 đến nay, với việc xác định du lịch - dịch vụ trên nền tảng bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa là ngành kinh tế mũi nhọn, đô thị Hội An đã hồi sinh nhanh chóng và ngày càng khẳng định vai trò trọng yếu của mình trong tỉnh và khu vực. Đặc biệt, từ khi đô thị cổ Hội An được UNESCO công nhận là Di sản Văn hóa Thế giới, du khách tìm về khu di sản này ngày càng đông (riêng năm 2017, có hơn 3,2 triệu lượt người, gấp hơn 33 lần tổng dân số của toàn thành phố), GDP của ngành này chiếm đến 70% và Hội An lại trở về thiên chức quốc tế vốn có của nó nhưng với tư cách là một đô thị du lịch - dịch vụ hiện đại chứ không phải đô thị ngoại thương trung - cận đại.

Vậy là, Hội An đã từng nếm trải đủ đầy các cung bậc cảm giác qua bốn trăm năm thăng trầm, suy thịnh. Lịch sử lại rất

công bằng khi giao trả sứ mệnh quốc tế lần nữa cho mảnh đất này. Ngắn ấy thời gian hình thành, tồn tại, đã cho chúng ta thấy rằng, đô thị Hội An chỉ phát triển thịnh vượng với nền kinh tế thương nghiệp, dịch vụ trong mối tương quan quốc tế và chỉ trong quỹ đạo phát triển đó, Hội An mới phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế để trở thành vùng động lực của Xứ Quảng, miền Trung.

Đô thị Hội An của ngày ấy và bây giờ có những tương đồng kỳ lạ như nó tất yếu phải vậy chứ không thể nào khác được. Khác chăng chỉ là nhận thức về giá trị và ý thức bảo tồn, phát huy của con người đương đại đối với di sản đô thị của tiền nhân. Và, người Hội An đã biết phải làm gì về điều đó, chỉ ít là sau tròn một thập kỷ được công nhận là thành phố. ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Quý Đôn (1977), *Phủ biên tạp lục*, Nxb. KHXH, Hà Nội.
2. Phạm Hoàng Hải (2001), *Người bạn đường du lịch văn hóa Hội*

An, Nxb. Thế giới, Hà Nội.

3. Nguyễn Quốc Hùng (1995), *Phố cổ Hội An và việc giao lưu văn hóa ở Việt Nam*, Nxb. Đà Nẵng.

4. Nguyễn Quốc Hùng (1998), "Vài nét về di tích trong Khu phố cổ Hội An", *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật* (170), tr.42-45.

5. Phan Khoang (2001), *Việt sử xứ Đàng Trong*, Nxb. Văn học, Hà Nội.

6. Nguyễn Hồng Kiên (1998), "Về Khu phố cổ Hội An", *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật* (170), tr.46-48.

7. Cris 8. Li Tana (1999), *Xứ Đàng Trong, Lịch sử kinh tế - xã hội Việt Nam thế kỷ XVII - XVIII*, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.

tophoro Borri (1998), *Xứ Đàng Trong năm 1621*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh.

9. Ogura Sadao (1991), "Về bức tranh Giao Chỉ quốc mậu dịch độ hải đồ và Thác kiến Quan Thế Âm", *Đô thị cổ Hội An*, Nxb. KHXH, Hà Nội, tr.193-203.

10. Elka Ray (1998), "Sầm uất Hội An", *Tạp chí Heritage* (July - August), tr.49-53.

11. Thích Đại Sán (1963), *Hải ngoại kỷ sự*, Viện Đại học Huế, Ủy ban phiên dịch sử liệu Việt Nam.